TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11/10/2018
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Huỳnh Tố Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Ái Nguyên

Bà Võ Tuyết Kha

Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Văn Cung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, *tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*: Ông Trương Quốc Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 180/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp yêu cầu ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 giữa:

*Nguyên đơn***:** Bà Nguyễn Thị T**,** sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà T, ông N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/6/2018 (nộp cho Tòa án ngày 04/7/2018) và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn N xây dựng hôn nhân năm 1992, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Do ông N đánh đập và chửi bà nên bà và ông N ly thân với nhau cách đây khoảng 04 tháng. Nay bà không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với ông N nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Phạm Văn N.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn ông Phạm Văn N trình bày:***

Về hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian cưới nhau, thời gian ly thân và không có đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân ly thân bà T trình bày là đúng một phần, ông có đánh bà T một lần thì bà T bỏ đi cho đến nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông thì ông không đồng ý.

Về con chung: Ông không đồng ý ly hôn với bà T, nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho bà T ly hôn với ông thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung gì các con đã thành niên có việc làm ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông thống nhất với bà T là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự gồm nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Bà T và ông N cùng thống nhất vợ chồng sống chung không đăng ký kết hôn. Bà T yêu cầu ly hôn với ông N nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn N là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung và nợ chung do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn N, ông N có địa chỉ tại ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông N là phù hợp.

[2] *Về hôn nhân:* Bà T và ông N thống nhất ông, bà xây dựng hôn nhân năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Bà T yêu cầu ly hôn với ông N, ông N không đồng ý. Tuy nhiên, tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện, việc kết hôn không được đăng ký thì không có giá trị pháp lý và tại Điều 14 quy định nam nữ có đủ điều kiện kết hôn mà chùng sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không

làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Từ đó căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn N là vợ chồng.

[3] *Về quan hệ con chung:* Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí:* Buộc bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ. Ông Phạm Văn N không phải nộp án phí.

[6] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39,147, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 14; Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn N là vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ, bà T đã dự nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011787 ngày 04/7/2018 nên được chuyển thu án phí. Ông N không phải nộp án phí.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ Huỳnh Tố Hiền

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.